

TRAO ĐỔI

VỀ NỘI DUNG CÁC VĂN TỰ TRÊN ĐỈNH ĐỒNG TRIỀU VUA KHẢI ĐỊNH

Lê Minh Huy*

Từ xưa, xã hội truyền thống Á Đông (trong đó có Việt Nam) rất trọng **lễ - nhạc**, từng được Khổng Tử đúc kết bằng câu “*Bất học lễ, vô dĩ lập*” 不學禮, 無以立 (không học lễ thì không lấy gì đứng vững).⁽¹⁾ Do vậy, lễ - nhạc là biểu trưng cho đạo lý *chính danh* của bậc quân tử ở đời: “*Danh vị không chính chuẩn thì lời nói chẳng thuận; Lời nói chẳng thuận thì mọi việc chẳng thành; Việc chẳng thành thì lễ nhạc chẳng được hưng thịnh; lễ nhạc chẳng được hưng thịnh thì hình phạt chẳng đúng phép; hình phạt chẳng đúng khuôn phép thì dân không biết đặt tay chân mình [cậy nhờ] vào đâu*”.⁽²⁾

Vào thời Thương Chu (Trung Hoa), trong các loại thanh đồng khí (青銅器: vật dụng bằng đồng xanh) trọng yếu thì *đỉnh* 鼎 (vạc đồng) được dùng làm *lễ khí*, còn *chuông* (鐘 chung) là vật liệu tượng trưng cho *nhạc khí*. Vì thế, *chung đỉnh* 鐘鼎 biểu thị cho lễ - nhạc. Khổng Tử thường lấy việc Chu Công “*ché lễ tác nhạc*” để nói đến những quy phạm trong việc tạo lập nền tảng văn hóa truyền thống Á Đông. Trên các loại chung đỉnh thường khắc văn tự, gọi là *chung đỉnh văn* 鐘鼎文 (văn tự trên chuông, đỉnh), hoặc *chung đỉnh minh văn* 鐘鼎銘文 (văn tự khắc trên chuông đỉnh bằng đồng).

Riêng nói về đỉnh, *đỉnh* 鼎 (thường là *viên đỉnh* 圓鼎) biểu tượng cho sự vững vàng, thịnh vượng và uy quyền của mỗi vương triều trong lịch sử. Xưa, vua Vũ nhà Hạ (Trung Hoa) thu thập kim khí ở chín châu đúc làm chín cái đỉnh, tượng trưng cho sự thống hợp chín cõi. Thời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu), *đỉnh* là một vật rất trọng lưu truyền trong nước, nên ai lấy được thiên hạ gọi là *định đỉnh* 定鼎.

Đối với bậc đế vương, *đỉnh* còn mang ý nghĩa biểu trưng cho vận mệnh của quốc gia, là đại nghiệp của đế vương ở đời (ví dụ: *đỉnh vận* 鼎運 là vận mệnh của quốc gia; *đỉnh nghiệp* 鼎業 là đại nghiệp của bậc đế vương). Bởi vậy, chiếc đỉnh đồng triều vua Khải Định (tức đỉnh của bậc đế vương) với những văn tự, hình tượng mỹ thuật trang trí, ý nghĩa biểu tượng đặc trưng... nên rõ ràng rất cần được quan tâm tìm hiểu thấu đáo.

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế.

Thời gian qua, chiếc đỉnh đồng này được sự quan tâm nghiên cứu, trao đổi của các tác giả Nguyễn Văn Nghệ,⁽³⁾ Lê Minh Huy⁽⁴⁾ và mới nhất là Lê Nguyễn Lưu trên tạp chí *Nghiên cứu & Phát triển* số 1 (153) năm 2019.

Tại bài viết “Về bốn chữ Hán trên đỉnh đồng chúc thọ vua Khải Định”,⁽⁵⁾ nhà nghiên cứu (NNC) Lê Nguyễn Lưu đã sử dụng các luận cứ luận chứng cụ thể nhằm phản biện bài viết của chúng tôi, để đồng thuận với ý kiến của tác giả Nguyễn Văn Nghệ với cách đọc “*Xuân thu đỉnh thịnh*”. Từ đó, ông đề nghị sửa lại biểu ghi về chiếc đỉnh này ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Với tinh thần trao đổi khoa học, nhằm làm sáng tỏ vấn đề cùng những yếu tố liên quan, chúng tôi xin có một số ý kiến cùng NNC Lê Nguyễn Lưu ở bài viết trên.

1. Chữ Hán trong nghệ thuật tạo tác không nhất thiết phải tuân thủ quy tắc truyền thống

Ở phần 1. *Xét về hình thức, chữ Hán truyền thống đọc từ phải qua trái (theo vị trí người nhìn, đọc)*, nhằm xác quyết cho cách đọc “*xuân thu đỉnh thịnh*” theo hướng từ phải qua trái, NNC Lê Nguyễn Lưu viết: “*Những vật hình khối tròn không có hướng đông tây nam bắc nhất định, chỉ là tùy cách đặt, tùy chỗ đặt. Nếu dựa vào ba chân, thì thân đỉnh chia đều ba mặt; nếu dựa vị trí người nhìn thì cũng có thể phân biệt bốn mặt: chính diện là phần ngay trước mặt mình, từ đó mà chia ra mặt bên phải, mặt bên trái, mặt đằng sau. Chữ Hán ghi trên đó cũng phải đọc từ phải sang trái, từ trên xuống dưới. Chữ chạm rải đều bốn mặt, ta không thể đồng thời đọc hết được, mà phải đi vòng quanh đỉnh để đọc lần lượt, không thể khác được. Vì thế, bốn chữ trên đỉnh đồng này đọc Xuân thu đỉnh thịnh là đúng với truyền thống. Như chuông chùa: bốn chữ tên chuông 天姥寺鐘 Thiên Mụ tự chung, hay bốn chữ tứ thời 春夏秋冬 Xuân Hạ Thu Đông, hoặc bốn ô khắc bài minh cũng đọc theo thứ tự ấy... Bốn chữ trên đồng tiền cũng thế, như 嘉隆通寶 Gia Long thông bảo, có mấy cách chạm chữ nhưng cũng không ngoài quy luật: Gia trên - Long phải - Thông dưới - Bảo trái, hay Gia trên - Long dưới - Thông phải - Bảo trái”*.⁽⁶⁾

Xét về phương diện bố trí chữ Hán truyền thống, NNC Lê Nguyễn Lưu lập luận không sai. Song, có lẽ ông chưa để ý đến các yếu tố “khác truyền thống” của cách bố trí chữ Hán hiện hữu khá nhiều trong văn bản tư liệu cũng như trong các loại hình chất liệu khác.

Bởi việc bố trí chữ Hán qua các giai đoạn, thời kỳ nhất định ít nhiều đã có sự phá cách, phá vỡ những suy nghĩ thông thường. Hơn thế nữa, với các tác phẩm nghệ thuật thì sự độc đáo, cách điệu đôi khi càng khiến cho tác phẩm ấy trở nên đặc biệt, giá trị hơn. Chúng tôi xin lấy một số ví dụ dưới đây để làm rõ.

1.1 Một số dòng chữ trên bản đồ Dương Xuân Hạ viết khác truyền thống

Qua tìm hiểu, chúng tôi thấy có một số hiện tượng viết chữ trên văn bản khác với truyền thống, điển hình như chữ “[Dương Xuân] *Thượng xã công điền*” 上社公田 và “*Thượng xã lâm lộc*” 上社林麓 được viết theo trật tự tuyến tính từ trái sang phải, ở bản đồ dưới đây.



Ảnh 1: Bản đồ làng Dương Xuân Hạ (Ảnh: Trần Văn Dũng).^(*)

1.2. Một số chuông chùa bố trí chữ không theo truyền thống

Thông thường, chuông chùa được bố trí tên chuông chữ Hán thuận chiều kim đồng hồ (trước-phải-sau-trái), song trên thực tế vẫn có một số chuông bố trí ngược lại. Điển hình như chuông chùa Quan Âm (tên chữ: *Viên Quang tự* 圓光寺) ở xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình với tên chuông là *Viên Quang tự chung* 圓光寺鐘 được bố trí ngược chiều kim đồng hồ, gồm Viên 圓 (trước) -

* Tư liệu này do Thạc sĩ Trần Văn Dũng (Sở Văn hóa Thể thao Thừa Thiên Huế) cung cấp, xin cảm ơn Ths. Dũng. LMH.



Ảnh 2: Chuông chùa Quan Âm (Viên Quang tự).
(Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh, Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán).



Ảnh 3: Chuông chùa Sơn Tùng (Châu Lâm tự).



chung (trái)

Châu (trong)

Lâm (phải)

tự (ngoài)

Quang 光 (trái) - *tự* 寺 (sau) - *chung* 鐘 (phải). Hay như chuông chùa Sơn Tùng (xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) với tên *Châu Lâm tự chung* 珠林寺鐘⁽⁷⁾ cũng đọc ngược (trình tự bố trí chữ như chuông chùa Quan Âm).

Đây là hai trong số các văn chuông hiện tồn có cách bố trí chữ không thuận như quan niệm của NNC Lê Nguyễn Lưu. Điều đó chứng tỏ cách bố trí văn tự trên các loại hình văn khắc tùy thuộc vào cảm quan thẩm mỹ và sở kiến của một số cá nhân, đơn vị chủ thể, cũng như thỏa ước tập thể và sự phù hợp tương đối trong quan niệm của cộng đồng. Đó cũng chính là chứng cứ rõ nhất để thấy rằng không hề có một quy định cố tình bắt buộc về pháp lý, hành chính nào về quy tắc bố trí hoa văn, văn tự Hán Nôm trong các loại hình văn khắc.

Trong bài viết, NNC Lê Nguyễn Lưu dẫn chuông chùa Thiên Mụ với “*bốn chữ tên chuông* 天姥寺鐘 Thiên Mụ tự chung” để chứng minh cho nhận định của mình. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu 2 quả chuông chùa Thiên Mụ (gồm 1 quả đúc năm 1710 thời Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và 1 quả đúc năm 1815) đang hiện hữu, chúng tôi không hề thấy có tên chữ 天姥寺鐘 *Thiên Mụ tự chung* nào cả. Nên chẳng khi dẫn liệu, chúng ta cần dẫn chính xác, để hiệu quả bài viết được cao hơn, chứng cứ thuyết phục hơn.

1.3. Các đồng tiền độc đáo, bố trí chữ nghĩa rất đa dạng không theo một quy định ràng buộc nào

Thời gian qua, chúng tôi có thu thập một số đồng tiền cổ các đời nên cũng khá tò mò với loại hình tiền xu trong lịch sử. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết tiền xu dạng tròn không chỉ đa dạng về kiểu loại, kích cỡ mà còn độc đáo, khác lạ ở cách bố trí chữ Hán trên tiền. Chẳng hạn:

a. Đồng tiền *Tự Đức bảo sao* 嗣德寶鈔



Ảnh 4: Tiền *Tự Đức bảo sao*.⁽⁸⁾

Ở ảnh trên, mặt thứ nhất của đồng tiền này có chữ đọc theo lối trên - dưới - phải - trái là *Tự Đức bảo sao* 嗣德寶鈔; nhưng mặt thứ hai của đồng tiền thì đọc theo trình tự: trên - phải - trái - dưới, đó là *chuẩn tứ thập văn* 準四十文 (chuẩn tiền 40 đồng).⁽⁹⁾

b. Một số đồng tiền có chữ đọc ngược chiều kim đồng hồ

Dưới đây là đồng *Tự Đức thông bảo*, chữ Hán ở mặt sau tiền này (góc bên phải) đọc theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.



Cụ thể, dòng chữ: *Quân quân thần thần phụ phụ tử tử* 君君, 臣臣, 父父, 子子 tất yếu phải đọc ngược (trên - trái - dưới - phải). Bởi đó là chữ dùng trong *Luận ngữ*, mục *Nhan Uyên* để nói về thuyết chính danh, nên không thể đọc khác được. Hay như đồng tiền này:

Ảnh 5: Tiền *Tự Đức thông bảo*.

Nguồn: <https://www.omnicoin.com/viewcoin/957932>.



Ảnh 6: Tiền *Minh Mệnh thông bảo*.

Đây là tiền *Minh Mệnh thông bảo*, mặt sau (bên phải) viết “*Hoa phong tam chúc, thiên bảo cửu như*” 華封三祝, 天保九如,⁽¹⁰⁾ cũng đọc ngược chiều kim đồng hồ.

c. Một số đồng tiền thì đọc vòng tròn từ phải qua trái⁽¹¹⁾

Đây là những đồng tiền của Trung Quốc và Việt Nam vào đời Tống (Trung Quốc), đời Trần (Đại Việt), đó là đồng tiền *Minh Đạo nguyên bảo* 明道元寶 (Minh Đạo [1032-1033] là niên hiệu thứ 2 của Tống Nhân Tông); đồng tiền *Nguyên Phong thông bảo* 元豐通寶 (Nguyên Phong [1251-1258] là niên hiệu thứ 3 của Trần Thái Tông), đều được đọc theo chiều vòng cung trên - phải - dưới - trái.



Ảnh 7: Minh Đạo nguyên bảo.



Nguyên Phong thông bảo.

d. Đồng tiền thưởng *Thiệu Trị thông bảo, triệu dân lại chi*

Đồng tiền này được bố trí theo kiểu 2 chữ *Thiệu Trị* 紹治 (niên hiệu) ở góc phải, tiếp đó là *thông* 通 (trên, phải) - *bảo* 寶 (dưới, phải) - *triệu* 兆 (trên, trái) - *dân* 民 (dưới, trái) - *lại chi* 賴之 ở góc trái. Như thế, kiểu bố trí này cũng không tuân thủ theo một quy tắc nào nhất định.



Ảnh 8: Tiền Thieu Trị thông bảo, triệu dân lại chi.

Nguồn: <https://www.cngcoins.com/Coin.aspx?CoinID=301884>.

e. Đồng tiền thời Pháp *French_Cochinchine_Sapeque_1879*



Ảnh 9: Tiền Cochinchine française 1879.

Nguồn: <http://art-hanoi.com/collection/iccoins/cochin.html>.

Đồng tiền này có mặt sau (bên phải) ghi: *Đại Pháp quốc chi An Nam, đương nhị* 大法國之安南當二 (đồng tiền 2 đồng ở xứ An Nam thuộc Đại Pháp). Đồng tiền này đọc theo kiểu: 3 chữ *Đại Pháp quốc* 大法國 đọc phải qua trái ở góc phải, tiếp nối là 3 chữ *chi An Nam* 之安南 ở góc trái, sau đó đến chữ *đương* 當 ở trên, và chữ *nhị* 二 ở dưới.

Tóm lại, có những loại hình văn bản trên thực tế không nhất thiết phải tuân thủ theo nguyên tắc bố trí văn tự truyền thống, mà ngược lại được biểu đạt khá đa dạng.

Đây là chúng tôi chưa đề cập đến loại hình thơ văn, như “*thuận nghịch độc*” (đọc thuận, nghịch đều được), “*hồi văn kiêm liên hoàn*” trong thơ chữ Hán. Do đó, nguyên tắc của người nghiên cứu là cần căn cứ vào các vấn đề phát sinh từ thực tế để xâu chuỗi và giải quyết phù hợp từng vấn đề, chứ tuyệt đối không nên áp đặt hiểu biết của cá nhân mình lên thực tế hiện hữu.

2. Xét về nội dung, chiếc đỉnh đồng thời vua Khải Định này bao hàm nhiều ý nghĩa giá trị bằng nghệ thuật chơi chữ “đảo ngữ” độc đáo

Tại phần kết trong bài viết của mình ở tạp chí *Huế Xưa & Nay*, chúng tôi đã khẳng định về cách “chơi chữ” kiểu đảo ngữ ở đỉnh đồng này với ý tứ hàm chứa sâu xa hơn việc chúc tụng sức khỏe: “*Đây hẳn nhiên là cách chơi chữ của các viên chức ở tòa Công sứ bằng phương pháp dùng thành ngữ Xuân Thu Đỉnh Thịnh 春秋鼎盛 để chúc mừng tuổi tác (xuân thu 春秋) và đảo ngữ (đỉnh thịnh 鼎盛: đang khỏe mạnh trai tráng thành “thịnh đỉnh” 盛鼎). Tên gọi Xuân Thu Thịnh Đỉnh 春秋盛鼎 ở chiếc đỉnh đồng này vì thế càng hàm chứa và mở rộng nhiều ý nghĩa sâu sắc hơn việc ca tụng sức khỏe, đó là hàm ý kính tặng chiếc đỉnh (vững vàng, kiên cố, chắc chắn, biểu tượng cho sự trường tồn), ngợi ca tuổi tác (xuân thu 春秋) được luôn mạnh khỏe, mãi thịnh vượng hưng phát (thịnh 盛). Đây vừa là lời chúc tụng hoàng đế khỏe mạnh nhân dịp tứ tuần đại khánh tiết, vừa mang hàm ý chúc tụng triều Nguyễn, đất nước trường tồn hưng thịnh*”.⁽¹²⁾

Chúng tôi cho rằng đây mới là ý nghĩa bao hàm ở nội dung của chiếc đỉnh đồng này. Bởi, ngay từ nội hàm ý nghĩa biểu tượng của đỉnh (鼎) đã biểu trưng cho sự vững vàng, kiên định. Cho nên, món quà của các công chức người Việt trong các công sở người Pháp tại Trung Kỳ lựa chọn để dâng lên vua Khải Định là chiếc đỉnh đồng, thì tất yếu không chỉ để chúc tụng sức khỏe.

Vì thế, nếu tên gọi của chiếc đỉnh đồng là “*Xuân thu **đỉnh thịnh***” thì dường như chỉ thuần túy thiên về việc chúc tụng sự cường tráng, khỏe khoắn, mạnh mẽ. Tức, thành ngữ ấy thiên về chúc tụng sức khỏe, khó dùng để suy luận xa hơn. Trong khi đó, nếu đảo ngữ thành “*Xuân thu **thịnh đỉnh***” thì hàm nghĩa sẽ rộng lớn hơn nhiều (như trên đã trích dẫn).

Vả chăng, việc đảo ngữ, thêm thắt chữ nghĩa trong các thành ngữ, ngạn ngữ nói chung và các chữ nghĩa chúc tụng nói riêng thường khá phổ biến trong thực tế, lẫn trong các công trình nghệ thuật, tác phẩm văn chương.

Chẳng hạn, mở đầu bản chế phong cho ông Trần Như Chương 陳如璋, ông nội quá cố của Lại Bộ Hữu Tham tri Trần Như Sơn (người làng Tân Sa, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế) ban cấp ngày 18 tháng 12 năm Khải Định thứ 9 có câu:

“*Cổ giả dư khương chi tích, mỹ phát chương tắc thịnh phát truyền;*
Tiên vương tích loại chi suy, vu kỳ phụ hựu cập kỳ tổ.”

古者餘慶之積, 美弗彰則盛弗傳; 先王錫類之推, 于其父又及其祖

Tạm dịch:

Người xưa tích lành nhiều phúc, đẹp chẳng giương tắt thịnh chẳng truyền;
Đế nay chọn tốt ban ân, cha đến tổ tự nhiều đời danh hiển.



Ảnh 10: Chế phong cho ông Trần Như Chương (ông nội Trần Như Sơn).

Cặp đối tứ lục khởi đầu bản chế phong này có 3 điển tích cần giải thích, bao gồm:

[1] ***Dư khương chi tích*** 餘慶之積: Tích lũy [điều thiện lành] thì phúc phận có thừa. Cụm từ (thành ngữ) này được lấy ý từ câu: “*Tích thiện chi gia tất hữu dư khương*” 積善之家, 必有餘慶 (Nhà tích chứa điều thiện lành, tất có thừa phúc phận) thuộc quẻ Khôn trong *Kinh Dịch*. Thường, các gia tộc hay dùng “*Tích thiện dư khương*” 積善餘慶, *Tích thiện đường* 積善堂 là theo ý đó.

[2] ***Mỹ phát chương tắc thịnh phát truyền*** 美弗彰則盛弗傳: Đây là cụm từ diễn dịch từ thành ngữ “*Chương mỹ truyền thịnh*” 彰美傳盛 (làm cho rực rỡ điều tốt đẹp, lưu truyền những thịnh điển) lấy từ sách *Tập Ngọc sơn phòng cao* 集玉山

房稿, quyển 7 của tác giả Cát Hân 葛昕 đời Minh, với câu: “*Phục dĩ **chương mỹ truyền thịnh**, hữu lại danh ngôn; Sùng đức biểu hiên, doãn duy tri dĩ*” 伏以彰美傳盛有賴名言崇德表賢允惟知己 (Cúi nghĩ: làm cho rực rỡ điều tốt đẹp, lưu truyền những thịnh điển thì cậy nhờ đến lời nói của bậc danh tiếng; quý yêu đức hạnh, tuyên dương rõ rệt người tài, [đấy] thực là điều nên hiểu biết vậy). Câu “*chương mỹ truyền thịnh*” này cũng có thể đảo ngữ thành “*Mỹ chương thịnh truyền*”, hoặc “*Thịnh truyền mỹ chương*” đều được.

[3] **Tích loại chi suy** 錫類之推: Suy tính việc thi ân ban thưởng. Ở cụm từ này, chữ *Tích loại* có nghĩa là *thi ân ban thưởng cho người*. Đây là chữ dùng lấy ý và rút gọn từ *Kinh Thi*, thiên *Đại nhã*, phần *Ký túy*, cụ thể là câu: *Hiếu tử bất quy, vĩnh tích nhĩ loại* 孝子不匱, 永錫爾類 (người con hiếu thuận vô cùng, đáng ban cho người phúc lành mãi mãi). Như thế, *tích loại* rút gọn từ *vĩnh tích nhĩ loại*.

Qua đó, ta thấy rằng thực tế sử dụng điển tích điển cổ cực kỳ đa dạng và linh động, tùy thuộc vào mục đích sử dụng, chứ không hề bó hẹp vào khuôn khổ cố định nào.

Do vậy, nhận định “*Những cụm từ dùng làm câu chúc, lời nguyện, khen thưởng thường rút từ các văn liệu cổ, gọi là điển cổ, như Yên dục di mưu, lân chi chung tư, phụng mao tế mỹ, miên miên qua điệt... vậy thì bốn chữ này cũng rút từ sách cổ, tức văn Giả Nghị như Nguyễn Văn Nghệ đã dẫn và Khang Hy tự điển đã chú giải. Rút sách cổ, không ai tùy tiện thay đổi. Sách đã viết Xuân thu đỉnh thịnh thì cứ thế mà dùng... Nếu thấy có điều gì không ổn thì tìm chọn thành ngữ khác, kho thư tịch cổ thiếu gì văn liệu chúc thọ vua mà lại phải thay đổi, “bóp méo” chữ sẵn của người xưa...”*”⁽¹³⁾ của NNC Lê Nguyễn Lưu không hề hợp lý với thực tế văn liệu.

Từ cơ sở của ý trên, tác giả tiếp tục bình luận rằng: “*Nếu là kết cấu Xuân thu thịnh đỉnh thì là kết cấu danh ngữ (ngữ danh từ), thịnh là hình dung từ, nếu là định ngữ, thêm nghĩa cho từ đỉnh (cái vạc), thì xét ra không có ý nghĩa gì, (cái đỉnh mà “thịnh” là cái đỉnh như thế nào?), cái đỉnh to thì không ai nói thịnh đỉnh, mà phải nói đại đỉnh, hồng đỉnh, khổng đỉnh (...); hoặc phân tích thịnh ứng với xuân thu, thành Xuân thu thịnh thành cụm từ làm định ngữ cho danh từ đỉnh, như vậy Xuân thu thịnh đỉnh phải có nghĩa là cái vạc lớn mang tên Xuân Thu Thịnh, hay cái vạc đã trải qua nhiều xuân thu, cái vạc đã lâu năm, đã “cổ lỗ sĩ” lắm rồi, trong khi nó mới được đúc xong ngay trước ngày khánh thọ vua Khải Định, quyết không phải là một lời chúc mừng”*”⁽¹⁴⁾ Nhận xét này có lẽ chưa được thấu đáo, thiếu tính khảo biện cụ thể.

Xuân thu 春秋 trong tên gọi *Xuân thu thịnh đỉnh* ở đây vừa chỉ tuổi tác, song cũng mang hàm nghĩa chỉ thời gian, năm tháng, sự trường tồn. *Thịnh* 盛 là thịnh

vượng, hưng thịnh phát triển, khỏe mạnh; *đỉnh* 鼎 là chiếc đỉnh, là sự biểu trưng cho tính kiên cố vững vàng.

Xét như thế, chúng ta mới thấy được những hàm nghĩa ẩn tàng của 4 đại tự trên thân đỉnh đồng. Đó vừa là chiếc đỉnh tượng trưng cho phần chúc tụng tuổi tác được khỏe mạnh, hưng thịnh, lại cũng mang hàm ý cầu chúc triều đình, đất nước được trường tồn, thịnh vượng theo năm tháng.

Nhân đó, cũng xin khẳng định chữ “*thịnh đỉnh*” 盛鼎 tồn tại không ít trong thực tế hiện hữu của đỉnh đồng. Chẳng hạn như hai chiếc đỉnh đồng dưới đây:



Ảnh 11: Đỉnh đồng “*Hoa Hạ thịnh đỉnh*”
华夏盛鼎.⁽¹⁵⁾



Ảnh 12: *Thịnh đỉnh*.⁽¹⁶⁾

Qua đó, chúng tôi xin khẳng định rằng “*thịnh đỉnh*” 盛鼎 không chỉ đảm bảo đầy đủ về nghĩa, mà còn là biểu trưng cho sự vững vàng, hưng thịnh như mong ước, nguyện cầu, chúc tụng của chủ nhân hoặc người thợ tạo tác ra các chiếc đỉnh đồng này chứ không hề như suy luận của NNC Lê Nguyễn Lưu ở trên.

3. Tranh luận cần có chứng cứ cụ thể để tránh các nhận định chủ quan, áp đặt

Ở mục 3 của bài viết, NNC Lê Nguyễn Lưu đặt tiêu đề là “*Lịch sử là lịch sử, lập luận suông không thể làm thay đổi lịch sử, phải căn cứ vào tư liệu mới được*”. Ý kiến này chúng tôi cho rằng rất xác đáng, bởi đó chính là nguyên tắc của người nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, khi triển khai từng phần cụ thể, tác giả dường như chưa thực hiện đúng với tiêu đề mình đặt ra. Ông viết “*Tác giả không thấy rằng chiếc đỉnh 3 chân vốn đã vững vàng kiên cố rồi (thành ngữ: Vững như kiềng ba chân), dù trên thân nó người ta chạm khắc những gì, đâu cần phải bố trí chữ mới giữ được thế cân bằng cho nó*”.⁽¹⁷⁾

Đúng là đỉnh vạc hoặc những vật 3 chân (như kiềng, lư đồng...) có thể đứng vững vàng, kiên cố. Song, sự vững vàng ấy chỉ có được khi thể đứng cân đối và đầy đủ điểm tựa, để chúng tương trợ lẫn nhau, nương tựa vào nhau. Tức 3 chân đó cần chia đều 3 góc, mỗi góc 60^0 , đồng thời phần trước của 3 chân cần đủ sức nặng và xoay hướng ra ngoài, nhằm tạo sự chắc chắn, kiên vững, để đỡ được phần thân ở trên. Ngược lại, chỉ cần 1 trong 3 chân không được tạo tác đều góc với 2 chân còn lại, hoặc ít nhất có 1 chân để quay ngược vào trong, thì tất loại vật có 3 chân ấy sẽ sớm nghiêng đổ.

Thứ nữa, trên phương diện tạo tác mỹ thuật, theo truyền thống phương Đông, tất cả các loại hình nghệ thuật đều tuân thủ quy tắc chính chuẩn cân xứng. Nói đến yếu tố “ngiên đồ” khi bố trí chữ *thịnh* 盛 cuối cùng lệch với chân đế là cách nói mang tính biểu tượng, chỉ về sự thiếu cân chuẩn, lệch lạc thì theo nguyên tắc, tác phẩm đó vừa “lỗi” về thẩm mỹ, vừa “lệch” về ý nghĩa và giá trị ẩn tàng, và luận về nội hàm ý nghĩa thì sự nghiêng ngả, cong vênh giống như một điềm dữ báo về chuyện lệch lạc, nghiêng đổ. NNC Lê Nguyễn Lưu ít khá hiểu về ý nghĩa biểu tượng, về hàm ý của câu văn của chúng tôi! Song, không hiểu vì sao ông vẫn tìm cách hiểu khác đi, hiểu “ngiên lệch” theo hướng cụ thể (chiếc đỉnh đồng bị nghiêng lệch?).

NNC Lê Nguyễn Lưu lại viết: *“lại nữa, ba chân mà bốn chữ, các chữ lại cách đều nhau, theo phép toán học, không đặt vào những vị trí ấy thì đặt ở đâu? Cái thế phải như vậy, không phải do một ý đồ nào khác. Mỹ thuật là ở chỗ chạm khắc thế nào cho đẹp hoa văn và đường nét của chữ mà thôi! Lý luận như thế là do cảm quan cá nhân chứ không phải với tính khoa học và rất dễ sa vào nguy biện...”*.

Trên đây, chúng tôi đã trích dẫn nhiều hình ảnh và tư liệu để chứng minh rằng chữ Hán trên các loại hình chất liệu tròn không nhất thiết phải tuân thủ cách bố trí truyền thống (đọc phải qua trái, trên xuống dưới). Vì thế, nhận định *“cái thế phải như vậy”* của tác giả thực sự là không như vậy, tức đó là cách hiểu không phù hợp.

Hơn thế nữa, xưa nay việc tạo tác tác phẩm hoặc công trình nghệ thuật bất kỳ nào đấy, với các yếu tố mỹ thuật, chất liệu sử dụng và hoa văn trang trí, chữ nghĩa nghệ thuật cụ thể... đều phải chứa đựng những nội dung, ý nghĩa, biểu tượng và thông điệp rõ ràng. Tức, nghệ thuật không bao giờ chỉ là “nghệ thuật suông”, “nghệ thuật cho vui”, mà thực sự phải hàm chứa các giá trị nội dung nhất định thuộc từng loại hình, từng lĩnh vực thực tế (ví như biểu tượng đài sen, hoa sen trên các ngôi mộ thể hiện niềm mong ước của chủ nhân về sự tinh khiết, hướng thiện, và liên quan đến truyền thống Phật giáo; hoặc như trang trí hình tượng đôi chim phượng hoàng trên các trán bia đá, như bia Chiêu Nghi Trần Thị Xạ chẳng hạn, nhằm tượng trưng cho đức hạnh, tính thuần thành, nét đẹp trân quý của người phụ nữ...).

Do vậy, quan niệm “*Mỹ thuật là ở chỗ chạm khắc thế nào cho đẹp hoa văn và đường nét của chữ mà thôi!*” của NNC Lê Nguyễn Lưu là quan niệm tách rời mỹ thuật ra khỏi chính thể văn bản. Nếu mỹ thuật thực tế đúng như cách ông hiểu thì người đời chẳng cần mỹ thuật làm gì.

Ở mục 3.3, NNC Lê Nguyễn Lưu một lần nữa lại đồng thuận theo ý kiến của Nguyễn Văn Nghệ, nhằm phê phán chúng tôi rằng: “*Lê Minh Huy cho rằng lấy chữ Xuân thu đỉnh thịnh nói về người đang độ tráng niên khỏe mạnh (30 tuổi) để ca tụng ông vua đã đến tuổi trung niên thì “quá khiếm nhã”. Tôi nghĩ lấy lời ca tụng một ông vua nổi tiếng như Hán Văn Đế để ca tụng cũng một ông vua khác chẳng có gì khiếm nhã cả. Lại rất vinh dự nữa! Trong nguyên văn cũng chẳng có từ ngữ nào đề cập đến tuổi tráng niên và trung niên, chẳng qua do người dịch **tự ý thêm bậy** [chúng tôi nhấn mạnh - LMH] mấy chữ tráng niên khỏe mạnh vào thôi*”.⁽¹⁸⁾

Đọc qua đoạn nhận định này, chúng tôi khá bất ngờ với cách dùng từ của NNC Lê Nguyễn Lưu, bởi đây hẳn nhiên không phải là ngôn từ chuẩn mực trong khoa học. Ông bảo chúng tôi “**tự ý thêm bậy**” chữ *tráng niên khỏe mạnh* khi dịch “[xuân thu] *đỉnh thịnh*”. Nhưng thực tế, đây chính là cách giải thích về nghĩa chữ *đỉnh thịnh*, thuộc trường nghĩa thứ 2 trong sách *Hán ngữ đại từ điển*.

Cụ thể, *Hán ngữ đại từ điển* 汉语大词典, quyển 12, trang 1318 (ảnh dưới) giải thích rằng: “*Đỉnh thịnh* 鼎盛: [1] 兴盛, 昌盛 (hung thịnh, xương thịnh)... [2] 正当壮年 (chính đương tráng niên). Để giải thích rõ hàm nghĩa thứ 2 này, *Hán ngữ đại từ điển* đã dẫn liệu chính ngay đoạn “*thiên tử xuân thu đỉnh thịnh, hành nghĩa vị quá, đức trạch hữu gia yên, do thương như thị*” 天子春秋鼎盛, 行義未過, 德澤有加焉, 猶尚如是 (*Thiên tử [Hán Văn Đế] tuổi đời **đương tráng niên khỏe mạnh**, làm việc nghĩa không sai, nguồn đức hạnh thêm lên vậy, do chuộng như thế*) ở truyện *Giả Nghị*, sách *Hán thư*.

【鼎盛】 (—shèng) ① 兴盛; 昌盛。南朝梁刘勰《文心雕龙·时序》: “经典禮章, 跨周轡漢, 唐虞之文, 其鼎盛乎!” 《红楼梦》第一一五回: “王夫人道: ‘現今府上復又出了差, 將來不但復舊, 必是比先前更要鼎盛起來。’” 朱自清《那里走·我们的路》: “如大华饭店和云裳公司等处的生涯鼎盛。” ② 正当壮年。《汉书·贾谊传》: “天子春秋鼎盛, 行義未過, 德澤有加焉, 猶尚如是。” 《南史·孔靖传》: “皇太子春秋鼎盛, 聖德日躋, 廢立之事, 臣不敢聞。” 《明史·卢洪春传》: “陛下春秋鼎盛, 諸症皆非所宜有。”

Ảnh 13: Đoạn giải nghĩa *đỉnh thịnh* 鼎盛 ở *Hán ngữ đại từ điển* 汉语大词典.⁽¹⁹⁾

Như thế, chúng tôi có căn cứ rõ ràng để giải thích nghĩa của *đỉnh thịnh*, chứ không hề “*tự ý thêm bớt*” như cách viết của NNC Lê Nguyễn Lưu.

Tiếp đó, lời luận bàn của NNC Lê Nguyễn Lưu ở đoạn sau (mục 3.3 và 3.4) dường như khá “xa đề”. Tức, thay vì tập trung bàn về nội dung, ý nghĩa cụ thể của các chữ trên thực thể đỉnh tròn triều Khải Định, thì ông lại trưng dẫn nhiều câu chuyện chẳng liên quan. Ông lấy *Thư thất điều* của Phan Châu Trinh để so sánh về sự “khiếm nhã” đối với vua Khải Định (tức tác giả dùng quy luật *phủ định của phủ định*, ý rằng: nói về “khiếm nhã” thì *Thư thất điều* của Phan Châu Trinh dâng lên Hoàng đế Khải Định có thể gọi là “quá khiếm nhã”, song vua Khải Định vẫn không trách phạt gì; thì việc nghiêng lệch chữ nghĩa, biểu tượng ở đỉnh đồng có đáng gì để vua Khải Định phải bần khoản!?).

Thế nhưng, tác giả không thấy rằng *Thư thất điều* của Phan Châu Trinh hay thậm chí là vở kịch *Le Dragon de bamboo (Con rồng tre)* cùng truyện ngắn *Incognito (Vi hành)* của Nguyễn Ái Quốc... đều là những bài viết châm biếm, đả kích của cá nhân, hoặc một nhóm người nhất định.

Bởi thế, các tác giả ấy hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những gì mình viết ra. Việc trách phạt hay không đối với vua Khải Định, nhất là ở trong tình thế chính trị đương thời, không hề có tính bắt buộc; và những bài viết ấy chỉ được xem là những tiếng nói cá nhân, thể hiện *quyền tự do ngôn luận* được quốc hội và chính phủ Pháp (với tư cách là chính phủ Bảo hộ nước An Nam lúc bấy giờ) ghi nhận và thực thi. Tiếng nói đó không hề đại diện cho quốc gia dân tộc, vì thế nó không xâm hại đến tính “quốc thể”.

Ngược lại, chiếc đỉnh đồng (đặt ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện nay) được chú tạo và kính dâng lên Hoàng đế Khải Định vào lễ Tứ tuần đại khánh tiết năm 1924, được triều đình đặt trang trọng ở giữa chánh lâu vào chính ngày đại lễ.

Vậy, nếu nói không quá thì chiếc đỉnh đồng này được xem là một trong những vật dụng tượng trưng cho “quốc thể” (thể diện quốc gia), bởi thế đứng vững vàng, sừng sững của đỉnh ở chính giữa sân điện (xem ảnh 14).

Như vậy, đỉnh đồng với vị thế của nó thực đã mang tầm quốc gia, là một trong những vật thể tượng trưng cho bộ mặt của vương triều, của đất nước. Cho nên, NNC Lê Nguyễn Lưu sử dụng nội dung của *Thư thất điều* để so sánh với nội dung, giá trị và ý nghĩa biểu tượng của chiếc đỉnh đồng này là điều không phù hợp, là sự so sánh nhầm lẫn, bởi nội hàm ý nghĩa và giá trị, tầm ảnh hưởng đến “quốc thể” của hai loại hình trên khác xa nhau.

Phần cuối cùng của bài viết (mục 3.5), NNC Lê Nguyễn Lưu dẫn đoạn văn trong *Ngự chế An Định cung dẫn* do chính vua Khải Định biên soạn, có 4 chữ



Ảnh 14: Đình đồng chúc thọ đặt giữa chánh lâu, nơi cử hành chánh lễ Tứ tuần đại khánh. Phần chú thích ảnh ghi: “fêtes du quarantenaire de S.M.Khai Dinh (Sept.1924): danses devant le pavillon du centre ou se trouve S.M” (Lễ kỷ niệm [tứ tuần đại khánh] của vua Khải Định: nhảy múa trước gian trung tâm, nơi [vua cử hành lễ]).⁽²⁰⁾

“xuân thu đỉnh thịnh” để khẳng định “như vậy, ta có thể nói vua Khải Định lấy bốn chữ “xuân thu đỉnh thịnh” trong văn Giả Nghị để nói về tuổi mình, rồi sau này những người đúc đỉnh tặng vua nhân đó lại trực tiếp lấy bốn chữ này ở bài văn của vua chứ không cần phải đi tìm đâu xa”.⁽²¹⁾

Sự khẳng định của NNC Lê Nguyễn Lưu thoát nhìn có vẻ hợp lý, song đọc kỹ thì không hề chính xác và phù hợp. Tác giả thấy ở bài văn *Ngự chế An Định cung dẫn* 御製安定宮引 của vua Khải Định (ở cung An Định) có 4 chữ “xuân thu đỉnh thịnh”, song ông lại không để ý xem bài ngự chế ấy biên soạn vào thời điểm nào, và vào lúc đó thì nhà vua bao nhiêu tuổi (mặc dù ông có nói “trước đó vào **năm 1920**, chính vua Khải Định đã dùng cụm từ “xuân thu đỉnh thịnh”...).

Vua Khải Định sinh năm Ất Dậu (1885), đến khi ngài biên soạn *Ngự chế An Định cung dẫn* là năm Canh Thân (1920), tức vào thời điểm nhà vua được 35 tuổi (36 tuổi ta).

Thế nên, như chú thích 7 của chúng tôi trong bài viết “Bàn về tên gọi đỉnh đồng triều vua Khải Định ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế”⁽²²⁾ đã đề cập, tuổi *tráng niên* thường rơi vào khoảng từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi. Như vậy, vào năm Canh Thân (1920), khi biên soạn bài ngự chế kể trên, Hoàng đế Khải Định đang ở tuổi *tráng niên* (35 tuổi), nên ngài viết “Huống niệm trăm **xuân thu đỉnh thịnh**, hoàng tử xung linh, thiên đạo nan khuỵ, nhân sự tất bị” 況念朕春秋鼎盛, 皇子冲齡, 天道難窺, 人事必備 (nghĩa là: **huống chi nghĩ rằng trăm đương vào tuổi cường tráng [tráng niên]**, hoàng tử [Vĩnh Thụy] tuổi còn ấu thơ, đạo trời khó lường, việc

đời *tất [lo tính] đầy đủ*). Cách sử dụng thành ngữ *Xuân thu đỉnh thịnh* trong văn cảnh này của nhà vua là điều chuẩn mực và rất hợp lý với lứa tuổi của mình.

Một điều khá lạ là dường như để dịch chuyển ý nghĩa theo hướng có lợi cho lập luận của mình, nên thay vì dịch *xuân thu đỉnh thịnh* theo đúng trường nghĩa vốn có (tuổi tác đương cường tráng khỏe mạnh), thì NNC Lê Nguyễn Lưu đã chuyển dịch câu trên thành: “*Huống chi nghĩ lại, **tuổi tác trẫm đã cao**, mà hoàng tử còn thơ ấu...*”.⁽²³⁾ Nếu chỉ về tuổi cao, người viết không bao giờ dùng “*xuân thu đỉnh thịnh*”, mà dùng “*niên dĩ lão*” 年已老 (tuổi đã về già/ tuổi đã cao).

Qua những phân tích kể trên, chúng tôi cho rằng tên gọi đỉnh đồng *Xuân thu thịnh đỉnh* ở biểu ghi đặt tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế là có đầy đủ cơ sở và chuẩn xác. Tên gọi ấy vừa đảm bảo đầy đủ các yếu tố về nghệ thuật, về sự cân chuẩn và mỹ thuật, lại thể hiện cách “chơi chữ” rất độc đáo và ý nghĩa của các công chức ở tòa Công sứ Pháp đương thời. Đó vừa là những lời kính chúc thọ dâng lên vua Khải Định nhân dịp Tứ tuần đại khánh tiết, vừa là lời cầu chúc cho triều đình, đất nước được vững vàng hưng thịnh (*hưng đỉnh*), truyền mãi cùng năm tháng (*xuân thu*).

Để thay lời kết, chúng tôi xin khảo tả thêm các phần chữ Hán còn lại trên thân đỉnh, để mọi người có thể nhìn nhận một cách tổng quát và đầy đủ về chiếc đỉnh đồng chúc thọ này (ngoài 4 chữ *Xuân thu thịnh đỉnh* đã đề cập).

Chiếc đỉnh đồng chúc thọ này vốn dĩ có 2 quai đỉnh (như các ảnh thời Pháp đã dẫn ở trên), nhưng hiện tại đã bị hỏng mất (hiện còn dấu vết của khớp quai bị hỏng). Xung quanh phần miệng đỉnh và phía dưới bụng đỉnh bố trí các chữ Hán thể khai thư như sau:

“[Khẩu kính] *Khải Định cửu niên cửu nguyệt sơ nhất nhật cung ngô Tứ tuần đại khánh tiết*, [phúc kính] *tòng sự Trung Kỳ Bảo hộ sứ tòa Công chánh, Hỏa xa, Y chánh, Thương chánh, Ngân khố, Điện báo, Nông chánh, Y thú, Lâm chánh thần đẳng cung tiến*” [口徑] 啓定九年九月初一日恭遇四旬大慶節, [腹徑] 從事中圻保護使座工政, 火車, 医政, 商政, 銀庫, 電報, 農政, 医獸, 林政臣等 恭進 [Miệng đỉnh] *Ngày mùng 1 tháng 9 năm Khải Định thứ 9, kính gắp Tứ tuần đại khánh tiết*, [bụng đỉnh] *bọn chúng thần ở các cơ quan Công chánh, Hỏa xa, Y chánh, Thương chánh, Ngân khố, Điện báo, Nông chánh, Thú y, Lâm chánh, thuộc tòa Bảo hộ sứ Trung Kỳ kính dâng tặng (đỉnh này)*.

Phần trên của bụng đỉnh điểm xuyết bằng hoa văn chữ Vạn 萬 tròn cách điệu, tiếp đó là hình dây leo uốn lượn trên khuôn hình dzích dzắc. Mỗi chữ trong bốn đại tự *Xuân thu thịnh đỉnh* đều được bao bọc bởi một vòng tròn kiểu trang trí lưỡng long châu nhật cách điệu.

Dưới chân đỉnh, 3 chân đỉnh trang trí cách điệu hình tượng mặt rồng (có chữ *Vương* 王 trên trán) đương ngâm thể bài chữ Thọ 壽 (thể triện).

Tại bụng đỉnh, ở góc giữa của 2 đại tự tên đỉnh đồng đều có 2 khối ô vuông, kết nối với nhau bằng 8 móc hình vuông cách điệu. Cụ thể:

[1] Góc giữa 2 đại tự *Đỉnh* 鼎 và *Thịnh* 盛 là hai khối vuông với các chữ (thể triện, trên-dưới) là: [Ô 1] **Thiên công kỳ tác** 天工其作 (Đề vương làm công việc trời giao). [Ô 2] **Cử Thuấn quy Nghiêu** 矩舜規堯 (Phép tắc [noi theo] đời vua Nghiêu Thuấn).



Ảnh 15: (Bụng đỉnh 1): Hai ô chữ đặt giữa 2 đại tự *Đỉnh* 鼎 (phải) - *Thịnh* 盛 (trái).

[2] Góc giữa 2 đại tự *Thịnh* 盛 (phải) và *Xuân* 春 (trái) là hai khối vuông với các chữ triện gồm: [Ô 1] **Nhất nhân hữu khánh** 壹人有慶⁽²⁴⁾ (Một người được tốt đẹp). [Ô 2]: **Vạn thọ vô cương** 萬壽無疆 (Sống lâu muôn tuổi). Đây là lời kính chúc thọ khang mãi mãi.



Ảnh 16: (Bụng đỉnh 2): Hai ô chữ đặt giữa 2 đại tự *Thịnh* 盛 (phải) - *Xuân* 春 (trái).

[3] Góc giữa 2 đại tự *Xuân* 春 (phải) và *Thu* 秋 (trái) là hai khối vuông với các chữ triện gồm: [Ô 1] **Chính vị ngưng mệnh** 正位凝命⁽²⁵⁾ (Bậc quân tử phải vững vàng vị trí, ngưng tụ tinh khí để hoàn thành sứ mệnh). [Ô 2] **Tỷ xỉ tỷ xương** 俾熾俾昌⁽²⁶⁾ (Khiến cho rực rỡ, cho xương thịnh).



Ảnh 17: (Bụng đỉnh 3): Hai ô chữ đặt giữa 2 đại tự *Xuân* 春 (phải) và *Thu* 秋 (trái).

[4] Góc giữa 2 đại tự *Thu* 秋 (phải) - *Đỉnh* 鼎 (trái) là hai khối vuông với các chữ triện gồm: [Ô 1]: **Kim âu⁽²⁷⁾ vĩnh diên** 金甌永奠⁽²⁸⁾ (Quốc gia lãnh thổ mãi định yên). [Ô 2] **Ngọc chúc thường điều** 玉燭常調 (Đuốc ngọc thường đều) (cũng viết: *Ngọc chúc trường điều* 玉燭長調).



Ảnh 18: (Bụng đỉnh 4): Hai ô chữ đặt giữa 2 đại tự *Thu* 秋 (phải) - *Đỉnh* 鼎 (trái).

Như vậy, khảo qua hoa văn cùng hệ thống văn tự bố trí trên đỉnh đồng chúc thọ này, nhất là 8 ô vuông chữ triện bố trí xen kẽ, đều đặn, cân xứng với 4 đại tự

tên đỉnh, chúng ta thấy rõ ràng đây là những câu thành ngữ xuất từ các điển tích điển cố tốt đẹp, nhằm đề ca tụng, chúc mừng không chỉ về tuổi tác của nhà vua, mà còn ngợi ca, chúc tụng quốc thổ (cương thổ) vững vàng, kiên cố; triều đình và đất nước được trường tồn, hưng thịnh, phát triển rực rỡ muôn đời. Đây chính là những ý nghĩa biểu trưng, nhằm hợp hòa với 4 đại tự giữa thân đỉnh đồng để tạo nên nội dung chiếc viên đỉnh với những ý nghĩa đặc sắc.

Do vậy, khi bàn luận đến chiếc đỉnh đồng này, thiết nghĩ không thể tách rời 4 đại tự tên đỉnh ra khỏi chỉnh thể toàn vẹn của chiếc đỉnh.

Tóm lại, đỉnh đồng chúc thọ vua Khải Định nhân lễ Tứ tuần đại khánh tiết là một trong những chiếc đỉnh vạc quan trọng, giá trị và khá độc đáo của triều Nguyễn. Cách bố trí chữ nghĩa, hoa văn mỹ thuật ở chiếc viên đỉnh này cũng đem lại sự đặc sắc, khác lạ so với đỉnh vạc phổ biến thông thường. Nét riêng ấy tạo nên sức hấp dẫn, tạo điểm nhấn thú vị và tạo ra nhiều sự cách tân về nghệ thuật. Cũng vì có nhiều nét khác biệt so với truyền thống (ngay ở chính cách bố trí tên chiếc viên đỉnh với 4 chữ nằm ở 4 góc cũng chính là sự lạ ít thấy ở nước ta) nên cho đến nay, vấn đề tên đỉnh vẫn đang còn tiếp tục tranh luận, chưa ngã ngũ.

Song, sự cách tân nào cũng có cơ sở nền tảng, và chẳng có sự sáng tạo nào thiếu tính kế thừa. Bằng các bài viết của mình và với trách nhiệm của người nghiên cứu, chúng tôi thông qua các bài viết trước nay, đã góp phần giải mã cụ thể về ý nghĩa biểu tượng của nội dung đỉnh đồng nói chung, cũng như 4 đại tự trên đỉnh đồng này nói riêng.

Qua đây, chúng tôi lại xin được tiếp tục khẳng định tên gọi chiếc đỉnh đồng triều vua Khải Định là ***Xuân thu thịnh đỉnh*** với những ý nghĩa độc đáo riêng có, với lối chơi chữ “đạo ngữ” đặc sắc, vừa dùng để khánh mừng khánh thọ của nhà vua, lại vừa dùng để chúc tụng vương triều được trường tồn cùng non sông đất nước.

Huế, ngày 10/5/2019

L M H

CHÚ THÍCH

- (1) Theo *Luận ngữ* 論語, thiên *Quý thị đệ thập lục* 季氏第十六, phần thứ 13.
- (2) 名不正, 則言不順; 言不順, 則事不成; 事不成, 則禮樂不興; 禮樂不興, 則刑罰不中; 刑罰不中, 則民無所措手足 (theo *Luận ngữ* 論語, thiên *Tử Lộ* 子路).
- (3) Nguyễn Văn Nghệ, “Dưới thời Khải Định ở Huế có đúc đỉnh đồng nào mang tên Xuân Thu Thịnh Đỉnh không?”, Tạp chí *Xưa & Nay*, số 490 (tháng 12/2017), tr. 55-57.
- (4) Lê Minh Huy, “Bàn về tên gọi đỉnh đồng triều vua Khải Định ở *Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế*”, Tạp chí *Huế Xưa & Nay*, số 146 (3-4/2018), tr. 76-81.
- (5) Lê Nguyễn Lưu, “Về bốn chữ Hán trên đỉnh đồng chúc thọ vua Khải Định”, Tạp chí *Nghiên cứu & Phát triển*, Huế, số 1 (153). 2019, tr. 96-105.

- (6) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 97-98.
- (7) Sở dĩ chùa Sơn Tùng hiện diện quả chuông của chùa Châu Lâm (Thủy Xuân, TP Huế) với tên gọi *Châu Lâm tự chung*, theo tìm hiểu của chúng tôi trên cơ sở các chữ Hán trên thân chuông, thì đây là quả chuông do Hòa thượng có pháp danh (pháp húy) Tâm Ấn, pháp hiệu Vĩnh Thừa, giữ chức Tăng cang chùa Diệu Đế, sáng lập chùa Châu Lâm đã giữ vai trò Chứng minh đạo sư để chú tạo quả chuông này vào tháng 4 năm Bảo Đại thứ 19 (1944), cùng thập phương tín thí công đức cúng dường để cung phụng tam bảo. Có lẽ, chuông này vốn đúc để cúng vào chùa Châu Lâm, nhưng sau vì làng Sơn Tùng chưa có chuông, nên quý sư chùa Châu Lâm đã cung tiến quả chuông này ra chùa làng Sơn Tùng.
- (8) Nguồn <http://www.covatvietnam.info/category/tien-co/>.
- (9) Sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ tứ kỷ*, ghi rằng: “[*Năm Tự Đức thứ 14, tháng 2*] Mới đúc 6 hạng tiền đồng (từ hạng tiền 1 đồng ăn 10 đồng, đến hạng tiền 1 đồng ăn 60 đồng. Mặt đồng tiền khắc 4 chữ “*Tự Đức bảo sao*”, hạng ăn 10 đồng thì nặng 1 đồng cân 5 phân đồng (...); hạng ăn 40 đồng nặng 6 đồng cân đồng...” (theo: Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, tập 7, bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 704).
- (10) Ảnh trích từ bài “Tiền thưởng đời vua Minh Mệnh (1820-1840)” ở link: <http://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3101/18785/phan-2-tien-thuong-doi-vua-minh-menh-1820-1840.html>.
- (11) Ảnh đồng tiền Minh Đạo nguyên bảo trích từ link: <http://en.51bidlive.com/PreView/PreViewDetails/1386898>; Ảnh đồng tiền Nguyên Phong thông bảo, trích từ link: http://www.transasiart.com/Numismatique/numismatique_vietnam/dinhletran/nvndltr.html/.
- (12) Lê Minh Huy, *bđđ*, tr. 81.
- (13) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 99.
- (14) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 99.
- (15) Đình này hiện được trưng bày tại Sơn Tây bác vật quán (山西博物馆). Nguồn: http://blog.sina.com.cn/s/blog_d25edf330102v3ke.html.
- (16) Nguồn: http://www.zhujingdiaosu.com/tongding_895.html.
- (17) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 100.
- (18) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 101.
- (19) 罗竹凤主编(1993),《汉语大词典》第十二卷, 汉语大词典出版社, 1318页.
- (20) Nguồn: <https://www.flickr.com/photos/13476480@N07/38909502901/in/photostream/>.
- (21) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 104.
- (22) Lê Minh Huy, *bđđ*, tr. 80.
- (23) Lê Nguyễn Lưu, *bđđ*, tr. 104.
- (24) Thành ngữ này xuất xứ từ sách *Thượng thư* 尚書, thiên *Lã hình* 呂刑 với câu: “*Nhất nhân hữu khánh, triệu dân lại chi, kỳ ninh duy vĩnh*” 一人有慶, 兆民賴之, 其寧惟永 nghĩa là: Một người được tốt lành, thì triệu dân nhờ cậy, ổn yên mãi mãi.
- (25) Thành ngữ xuất xứ từ mục *Đại tượng* 大象 ở quẻ *Hỏa phong đỉnh* 火風鼎 của *Chu Dịch* 周易. Cụ thể: “*Tượng viết: mộc thượng hữu hỏa, đỉnh, quân tử dĩ chính vị ngưng mệnh*” 象曰: 木上有火, 鼎, 君子以正位凝命 (nghĩa là: Lửa trên gỗ, là đỉnh, bậc quân tử phải đứng đắn, vị trí vững vàng (không thiên lệch), ngưng tụ sức lực khí chất, hoàn thành được sứ mệnh tự thân).

- (26) Đây là chữ dùng lấy ý từ câu: “*Tỷ nhĩ xĩ nhi xươg, tỷ nhĩ thọ nhi tang*” 俾爾熾而昌，俾爾壽而臧 (Khiến cho vua được hưng thịnh và rục rở; khiến cho vua được sống lâu và tốt lành) trong phần *Bí cung* 闕宮, thiên *Lỗ tụng* 魯頌 của *Kinh Thi* 詩經.
- (27) *Kim âu*: nghĩa gốc là bồn (chậu) vàng, sau dùng chỉ cương vực lãnh thổ được hoàn bị, vững vàng; lại chỉ về *quốc thổ* 國土 (lãnh thổ của quốc gia).
- (28) Hai thành ngữ *Kim âu vĩnh diên*, *Ngọc chúc thường điều* này thường được dùng để chúc tụng đất nước vững vàng, trường tồn, non sông nối liền một cõi.

TÓM TẮT

Chiếc đỉnh đồng chúc thọ nhân dịp lễ Tứ tuần đại khánh của vua Khải Định vào năm 1924 có những nét độc đáo, khác lạ và đặc trưng đã tạo nên sức hấp dẫn với nhiều người, đồng thời cũng gây ra sự không đồng nhất quan điểm khi gọi tên đỉnh đồng trong giới nghiên cứu hiện nay. Nhằm góp phần giải mã tên gọi của chiếc đỉnh đồng này, chúng tôi tiếp tục có một số trao đổi, luận giải cùng nhà nghiên cứu Lê Nguyễn Lưu, và cung cấp thêm phần mô tả, giải thích toàn bộ các chữ viết hiện diện xung quanh đỉnh, với mục đích thể hiện tổng quát các yếu tố văn bản, mô thức nghệ thuật cũng như điểm nhấn về chữ nghĩa, mỹ thuật hoa văn trang trí xét trong tính chỉnh thể của đỉnh đồng. Bài viết này hy vọng sẽ góp phần làm sáng tỏ những giá trị nội dung, nghệ thuật của chiếc đỉnh mừng thọ vua Khải Định, hiện đặt ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

ABSTRACT

ON THE CONTENTS OF THE WRITINGS ON THE URN UNDER THE REIGN OF KHAI ĐỊNH EMPEROR

The bronze urn of longevity congratulation on the occasion of the 40th birthday of Emperor Khải Định in 1924 has unique and strange features that attracted many people, and also created various viewpoints on naming it. In order to contribute to deciphering the name of this urn, we carried out some exchanges and discussions with researcher Lê Nguyễn Lưu, and provided additional descriptions and explanations of all the writings around it with the purpose of generally presenting the text elements, art style as well as the emphasis on the words, the decorative pattern art in respect of the whole of the urn. This article is expected to contribute to the clarification of the values of art and content of the urn of Emperor Khải Định exhibiting at Huế Museum of Royal Antiquities.